TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 20/2018/DS-ST Ngày: 12/7/2018 Về vụ:*"Tranh chấp Hợp đồng dân sự về vay tài sản".*	**NHÂN DANH** **NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HÒA TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thanh Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Văn Trí;

2. Ông Trần Hạnh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Huỳnh Tứ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên.

Ngày 12/7/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hòa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 166/2017/DS-ST ngày 03 tháng 11 năm 2017 về việc: "*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2018/QĐST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng T

Địa chỉ: 40 - 42 - 44 P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông T – Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng T tại Phú Yên (Văn bản ủy quyền số 726/QĐ-NHKL, ngày 15/3/2017 của Tổng giám đốc Ngân hàng T); Ông T ủy quyền cho ông V – P. Trưởng phòng tín dụng đại diện (Văn bản ủy quyền số 567/UQ-CNPY ngày 08 tháng 7 năm 2018 của Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng T tại Phú Yên) – Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông H - sinh năm 1966, bà D – sinh năm 1974; Đồng địa chỉ: Khu phố P, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên – Ông H có mặt, bà D vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn đại diện Ngân hàng T trình bày:*

Vào ngày 26/7/2016, vợ chồng ông H, bà D có vay của Ngân hàng T – chi nhánh tại Phú Yên số tiền 100.000.000đ *(Một trăm triệu đồng)*, giải ngân ngày 29/7/2016, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày giải ngân *(Hạn trả cuối cùng là ngày 29/7/2017)*, lãi suất 12,6%/năm, mục đích vay để phát triển kinh tế gia đình. Khi vay, vợ chồng ông H, bà D có thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, cụ thể tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất số BP 487879, ngày 19/7/2013, vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH 00853 do Ủy ban nhân dân

huyện Đ cấp cho ông H, bà D theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 267/16/HĐTC-BĐS/2300-3003 ngày 26/7/2016, số công chứng 2052, ngày 26/7/2016 tại Văn phòng công chứng Thành Phố, quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGD, đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Đ ngày 26/7/2016.

Sau khi vay, vợ chồng ông H, bà D chỉ trả được một số tiền lãi, không thanh toán đầy đủ tiền gốc và lãi theo quy định. Đến nay, đã hết hạn trả nợ, Ngân hàng tiến hành đòi nhiều lần nhưng bà D, ông H không trả. Do đó, yêu cầu vợ chồng ông H, bà D phải trả cho Ngân hàng số tiền vay 100.000.000đ *(Một trăm triệu đồng)* và lãi tính đến ngày xét xử: 18.252.500đ *(Mười tám triệu hai trăm năm mươi hai nghìn năm trăm đồng)*. Tổng cộng: 118.252.500đ *(Một trăm mười tám triệu hai trăm năm mươi hai nghìn năm trăm đồng)*. Nếu bà D, ông H không trả thì đề nghị xử lý tài sản thế chấp nói trên để trả nợ cho Ngân hàng.

Bị đơn ông H trình bày: Vợ chồng ông H, bà D có vay của Ngân hàng T số tiền 100.000.000đ, khi vay có thế chấp tài sản đúng như Ngân hàng trình bày. Sau khi vay, do làm ăn gặp khó khăn nên không thực hiện việc trả nợ theo Hợp đồng, đến nay vẫn còn nợ của Ngân hàng số tiền gốc 100.000.000đ *(Một trăm triệu đồng)* và lãi 18.252.500đ *(Mười tám triệu hai trăm năm mươi hai nghìn năm trăm đồng)*. Nay, chấp nhận còn nợ của Ngân hàng số tiền gốc và lãi nói trên, nhưng xin được trả dần mỗi tháng số tiền 2.000.000đ *(Hai triệu đồng)* cho đến khi hết nợ.

Bị đơn bà D đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa nên không tiến hành hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà D đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Áp dụng Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà D.

[2] Áp dụng pháp luật: Xét thấy các bên xác lập Hợp đồng vay tài sản vào ngày 26/7/2016, là thời điểm Bộ luật dân sự năm 2005 đang có hiệu lực pháp luật, tuy nhiên Hợp đồng này có nội dung, hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự năm 2015, nên áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết.

[3] Thời hiệu khởi kiện: Các bên xác lập Hợp đồng vay tài sản vào ngày 26/7/2016, giải ngân ngày 29/7/2016, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày giải ngân. Đến hạn trả nợ *(Ngày 29/7/2017)* bà D, ông H không trả nợ; ngày 13/9/2017 Ngân hàng có đơn khởi kiện. Như vậy, theo Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015, yêu cầu của Ngân hàng còn thời hiệu khởi kiện.

[4] Đối với yêu cầu trả nợ gốc và lãi:

Vào ngày 26/7/2016, vợ chồng ông H, bà D có Hợp đồng vay của Ngân hàng T – chi nhánh tại Phú Yên số tiền 100.000.000đ *(Một trăm triệu đồng)*, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 12,6%/năm. Hai bên thống nhất đến nay vợ chồng ông H, bà D còn nợ của Ngân hàng 100.000.000đ tiền gốc và lãi đến ngày xét xử: 18.252.500đ. Nay, Ngân hàng yêu cầu trả nợ, ông H xin trả dần mỗi tháng 2.000.000đ/tháng.

Xét thấy: Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định bên vay có nghĩa vụ trả đủ tiền khi đến hạn. Như vậy, khi đến hạn, Ngân hàng đòi lại tài sản thì bà D, ông H phải có trách nhiệm trả đủ tiền vay cho Ngân hàng.

Do đó, chấp nhận yêu cầu trả nợ của Ngân hàng, không chấp nhận yêu cầu xin trả dần của ông H: Buộc bị đơn vợ chồng ông H, bà D phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng T – chi nhánh tại Phú Yên số tiền 100.000.000đ *(Một trăm triệu đồng)* và lãi tính đến ngày xét xử *(Ngày 12/7/2018*) là: 18.252.500đ *(Mười tám triệu hai trăm năm mươi hai nghìn năm trăm đồng)*. Tổng cộng: 118.252.500đ *(Một trăm mười tám triệu hai trăm năm mươi hai nghìn năm trăm đồng)*.

[5] Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp:

Khi vay tiền, vợ chồng ông H, bà D có thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất số BP 487879, ngày 19/7/2013, vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH 00853 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho ông H, bà D. Việc thế chấp đã được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Do đó, chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng: Nếu bà D, ông H không trả số nợ nói trên, thì xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất số BP 487879, ngày 19/7/2013, vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH 00853 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho ông H, bà D theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 267/16/HĐTC-BĐS/2300-3003 ngày 26/7/2016, số công chứng 2052, ngày 26/7/2016 tại Văn phòng công chứng Thành Phố, quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGD, đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Đ ngày 26/7/2016 để trả nợ cho Ngân hàng.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn vợ chồng bà D, ông H phải chịu 5.912.625đ, quy tròn số: 5.912.000đ *(Năm triệu chín trăm mười hai nghìn đồng)*.

Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn Ngân hàng T – Chi nhánh tại Phú Yên.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468 Bộ Luật dân sự năm 2015; Điều 9, 26 Nghị quyết 326 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng T – Chi nhánh Phú Yên:

Buộc bị đơn vợ chồng ông H, bà D phải trả cho Ngân hàng T – chi nhánh Phú Yên số tiền gốc: 100.000.000đ *(Một trăm triệu đồng)* và lãi tính đến ngày xét xử *(Ngày 12/7/2018*): 18.252.500đ *(Mười tám triệu hai trăm năm mươi hai nghìn năm trăm đồng)*. Tổng cộng: 118.252.500đ *(Một trăm mười tám triệu hai trăm năm mươi hai nghìn năm trăm đồng)*.

Nếu bà D, ông H không trả số tiền nói trên, thì xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất số BP 487879, ngày 19/7/2013, vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH 00853 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho ông H, bà D theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 267/16/HĐTC-BĐS/2300-3003 ngày 26/7/2016, số công chứng 2052, ngày 26/7/2016 tại Văn phòng công chứng Thành Phố, quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGD, đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Đ ngày 26/7/2016 để trả nợ cho Ngân hàng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chưa thi hành xong khoản tiền phải trả, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng vay tài sản giữa Ngân hàng T - Chi nhánh tại Phú Yên và ông H, bà D, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn vợ chồng ông H, bà D phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm: 5.912.000đ *(Năm triệu chín trăm mười hai nghìn đồng).*

Hoàn lại cho Ngân hàng T – Chi nhánh Phú Yên số tiền 2.560.000đ *(Hai triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng)* đã thu tại Biên lai thu tiền số 0003965 ngày 25/10/2017 của Chi cục Thi hành án huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán - Chủ tọa phiên toà

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện Đông Hòa;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hoà;
- Những người tham gia tố tụng;

- Lưu.

Lê Thanh Huệ